

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG
MOBIFONE

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	14 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Viễn thông MobiFone (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Tổng công ty

Tổng công ty Viễn thông MobiFone tiền thân là Công ty Thông tin Di động, là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 321/QĐ-TCCB-LĐ ngày 16 tháng 4 năm 1993 của Tổng cục Bưu điện, nay là Bộ Thông tin và Truyền thông.

Theo Quyết định số 1798/QĐ-BTTTT do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 01 tháng 12 năm 2014, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phê duyệt việc thành lập Tổng công ty Viễn thông MobiFone trên cơ sở tổ chức lại Công ty Thông tin Di động. Sau đó, Tổng công ty cũng đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0100686209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 1 năm 2015. Tổng công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận điều chỉnh sau đó, với lần gần nhất là lần thứ 10 được cấp ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc thay đổi thông tin về chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật.

Theo Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ, đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng công ty được chuyển giao từ Bộ Thông tin và Truyền thông sang Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : (+84-24) 37831800
- Fax : (+84-24) 37831734

Các đơn vị thành viên trực thuộc hạch toán phụ thuộc

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Văn phòng Tổng công ty	Thành phố Hà Nội
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 1	Thành phố Hà Nội
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 2	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 3	Thành phố Đà Nẵng
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 4	Thành phố Việt Trì
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 5	Thành phố Hải Phòng
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 6	Thành phố Vinh
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 7	Thành phố Buon Ma Thuột
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 8	Thành phố Biên Hòa
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 9	Thành phố Cần Thơ
Trung tâm Viễn thông Quốc Tế MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Công nghệ thông tin MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Dịch vụ số MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Bắc	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Trung	Thành phố Đà Nẵng
Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm Quản lý điều hành mạng	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Đo kiểm và Sửa chữa thiết bị viễn thông MobiFone	Thành phố Hà Nội
Ban Quản lý Dự án MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Tư vấn - Thiết kế MobiFone	Thành phố Hà Nội

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Tính cước và Thanh khoản MobiFone	Thành phố Hà Nội

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo đăng ký là:

- Đầu tư, xây dựng, vận hành, khai thác mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, phát thanh truyền hình, truyền thông đa phương tiện;
- Sản xuất, lắp ráp và xuất nhập khẩu, kinh doanh thiết bị điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin;
- Tư vấn, khảo sát, thiết kế, xây lắp chuyên ngành điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin;
- Bảo trì, sửa chữa thiết bị chuyên ngành điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin; và
- Các ngành nghề khác.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Mạnh Thắng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2017
Ông Nguyễn Đình Tuấn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2021
Ông Nguyễn Đình Chiến	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 08 tháng 01 năm 2021

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm
Ông Tô Mạnh Cường	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 11 năm 2019
Ông Bùi Sơn Nam	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 29 tháng 10 năm 2020
Ông Vĩnh Tuấn Bảo	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2020
Ông Thiêm Công Nguyên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 5 năm 2020
Ông Phan Tuấn Anh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 02 năm 2021

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Chủ tịch (đến ngày 09 tháng 3 năm 2021) và Ông Tô Mạnh Cường – Tổng Giám đốc (từ ngày 10 tháng 3 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Tô Mạnh Cường

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 1.0845/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng công ty Viễn thông MobiFone (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Viễn thông MobiFone tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số I.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, trong đó mô tả các yếu tố tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 bao gồm: (i) Yếu tố khách quan; (ii) Việc thay đổi chính sách kế toán ghi nhận doanh thu từ kinh doanh thẻ dịch vụ viễn thông di động trả trước và (iii) Doanh thu cung cấp gói/chuỗi dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng thu tiền mà không phải trả lại cho khách hàng và có cam kết với khách hàng về việc cung cấp dịch vụ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Võ Hùng Tiến - Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0083-2018-008-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022



Trần Kim Anh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1907-2018-008-1

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.577.068.399.598	14.234.447.955.053
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.216.453.612.309	717.589.355.029
1. Tiền	111		246.453.612.309	127.589.355.029
2. Các khoản tương đương tiền	112		970.000.000.000	590.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.435.000.000.000	11.095.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	13.435.000.000.000	11.095.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.321.373.937.273	1.500.169.963.481
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.201.588.211.372	1.495.481.856.058
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	142.004.716.238	158.598.675.900
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	348.414.252.053	493.863.763.873
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3	(370.633.242.390)	(647.774.332.350)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	151.410.503.835	93.112.286.373
1. Hàng tồn kho	141		154.119.558.032	101.400.180.774
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.709.054.197)	(8.287.894.401)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		452.830.346.181	828.576.350.170
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	307.243.974.250	414.093.075.345
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		140.510.832.012	407.981.832.901
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	5.075.539.919	6.501.441.924
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.676.571.928.447	17.437.247.029.812
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.374.286.682	2.564.551.432
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.374.286.682	2.564.551.432
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		13.981.186.037.432	14.607.514.158.091
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	12.950.596.101.143	13.589.479.301.299
<i>Nguyên giá</i>	222		59.865.727.117.267	56.960.068.083.731
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(46.915.131.016.124)	(43.370.588.782.432)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	1.030.589.936.289	1.018.034.856.792
<i>Nguyên giá</i>	228		2.715.180.289.966	2.604.533.262.573
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.684.590.353.677)	(1.586.498.405.781)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		28.334.267.785	215.085.519.522
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	28.334.267.785	215.085.519.522
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		948.946.640.000	2.244.013.231.963
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	198.946.640.000	198.946.640.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	-	66.591.963
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	750.000.000.000	2.045.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		714.730.696.548	368.069.568.804
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	714.730.696.548	368.069.568.804
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		32.253.640.328.045	31.671.694.984.865

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		9.062.516.246.798	9.633.059.550.812
I. Nợ ngắn hạn	310		8.077.272.593.485	8.482.607.222.667
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	3.061.425.325.454	5.288.240.134.571
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	510.824.452.566	167.732.036.549
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.306.711.641.387	928.315.519.423
4. Phải trả người lao động	314		854.417.609.032	739.353.709.863
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	726.893.512.707	789.485.501.612
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	1.005.932.238	95.834.807.248
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	127.145.731.185	138.166.309.376
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	-	11.589.870.667
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	488.848.388.916	323.889.333.358
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		985.243.653.313	1.150.452.328.145
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	76.882.481.086	80.443.797.451
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.19	908.361.172.227	1.070.008.530.694

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán riêng (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.191.124.081.247	22.038.635.434.053
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	23.191.124.081.247	22.038.635.434.053
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		15.000.000.000.000	15.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.191.124.081.247	7.038.635.434.053
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		32.253.640.328.045	31.671.694.984.865

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Vân

Phan Tuấn Anh

Tô Mạnh Cường



TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	30.017.019.114.200	29.954.908.082.729
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		95.454.545	257.500.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		30.016.923.659.655	29.954.650.582.729
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	21.059.275.997.624	21.330.982.738.578
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8.957.647.662.031	8.623.667.844.151
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	670.858.504.526	985.378.472.449
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	16.052.885.955	59.805.961.535
Trong đó: chi phí lãi vay	23		927.903.085	21.062.136.798
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4.169.051.569.602	4.243.403.785.841
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	918.153.847.755	608.168.445.971
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.525.247.863.245	4.697.668.123.253
11. Thu nhập khác	31	VI.7	240.043.665.831	32.440.465.148
12. Chi phí khác	32	VI.8	14.740.273.003	10.662.288.478
13. Lợi nhuận khác	40		225.303.392.828	21.778.176.670
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.750.551.256.073	4.719.446.299.923
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	908.922.432.092	889.646.559.860
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	55.358.734.456
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.841.628.823.981	3.774.441.005.607

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Vân

Kê toán trưởng

Phan Tuấn Anh

Tổng Giám đốc



Tô Mạnh Cường

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.750.551.256.073	4.719.446.299.923
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8,V.9	4.678.875.801.451	4.722.347.546.245
- Các khoản dự phòng	03	VI.2,VI.6	83.011.675.260	60.126.259.259
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		277.755.154	(1.559.452.799)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(620.749.833.918)	(923.496.016.158)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	927.903.085	21.062.136.798
- Các khoản điều chỉnh khác	07	V.18	141.000.000.000	136.000.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.033.894.557.105	8.733.926.773.268
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(30.817.757.093)	(11.671.106.669)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(54.029.619.028)	23.294.094.370
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		12.488.370.235	142.785.571.774
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(239.812.026.649)	(304.349.400.091)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(934.475.642)	(34.451.922.680)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(517.656.644.488)	(1.044.934.297.432)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(300.272.245.778)	(294.286.712.222)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.902.860.158.662	7.210.313.000.318
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.639.927.264.575)	(6.118.059.793.580)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		(937.506.296)	(4.600.562.760)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.140.000.000.000)	(12.040.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.095.000.000.000	12.600.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		353.455.774	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		771.607.366.814	963.125.770.699
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.913.903.948.283)	(4.599.534.585.641)

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	1.851.125.109.713	3.745.686.479.150
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(1.862.714.980.380)	(4.392.400.021.273)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.13	(1.478.437.257.832)	(2.324.030.331.510)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.490.027.128.499)	(2.970.743.873.633)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		498.929.081.880	(359.965.458.956)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	717.589.355.029	1.077.560.722.226
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(64.824.600)	(5.908.241)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	1.216.453.612.309	717.589.355.029

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Nguyễn Ngọc Vân

Kế toán trưởng

Phan Tuấn Anh



TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Viễn thông MobiFone (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) tiền thân là Công ty Thông tin Di động, là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 321/QĐ-TCCB-LĐ ngày 16 tháng 4 năm 1993 của Tổng cục Bưu điện, nay là Bộ Thông tin và Truyền thông.

Theo Quyết định số 1798/QĐ-BTTTT do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành ngày 01 tháng 12 năm 2014, Bộ Thông tin và Truyền thông đã phê duyệt việc thành lập Tổng công ty Viễn thông MobiFone trên cơ sở tổ chức lại Công ty Thông tin Di động. Sau đó, Tổng công ty cũng đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 0100686209 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15 tháng 1 năm 2015. Tổng công ty cũng nhận được các Giấy chứng nhận điều chỉnh sau đó, với lần gần nhất là lần thứ 10 được cấp ngày 10 tháng 3 năm 2021 về việc thay đổi thông tin về chủ sở hữu.

Theo Nghị định số 131/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ, đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng công ty được chuyển giao từ Bộ Thông tin và Truyền thông sang Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại Doanh nghiệp.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là: Đầu tư, xây dựng, vận hành, khai thác mạng và cung cấp dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền thông đa phương tiện;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tổng công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Với diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cũng chịu ảnh hưởng, tác động nhiều chiều bởi các yếu tố khách quan. Tổng công ty đã thực hiện các hoạt động như: Ủng hộ quỹ Vắc xin phòng chống dịch Covid-19, đóng góp, hỗ trợ phòng chống dịch Covid-19 với xã hội và triển khai các giải pháp để giảm thiểu tác động của dịch bệnh đến các hoạt động sản xuất kinh doanh. Sau khi loại trừ chi phí ủng hộ quỹ Vắc xin phòng chống Covid-19, số tiền 196.662.041.674 VND, Tổng công ty đạt được kết quả kế hoạch năm 2021 được giao.

Về phương án hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trích lập năm 2016 chỉ không hết, Tổng công ty thực hiện :

- Nộp 20% số Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trích lập năm 2016 không sử dụng hết 70% sau 05 năm về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia.
- Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp thu hồi tính trên phần Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trích lập năm 2016 không sử dụng hết và nộp lãi phát sinh trên số thuế TNDN thu hồi theo hướng dẫn của các Cơ quan Quản lý nhà nước.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Hoàn nhập vào “Thu nhập khác” năm 2021 đối với số Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trích lập năm 2015, 2016 còn lại sau khi đã trừ các khoản phải nộp nêu trên và loại trừ khoản thu nhập này khi tính thuế TNDN năm 2021, số tiền 224.573.673.118 VND (xem Thuyết minh V.19 và VI.7).

Về chính sách ghi nhận doanh thu dịch vụ viễn thông đối với thẻ viễn thông trả trước

Văn bản số 686/BTC-QLKT ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn ghi nhận doanh thu dịch vụ viễn thông đối với thẻ viễn thông trả trước như sau:

- Việc ghi nhận doanh thu đối với thẻ viễn thông trả trước phải dựa trên dung lượng thực tế khách hàng sử dụng cho hoạt động viễn thông.
- Các đơn vị phải thực hiện chuyển đổi từ phương pháp ghi nhận doanh thu tại thời điểm thu tiền bán thẻ trả trước sang phương pháp ghi nhận doanh thu theo dung lượng thực tế sử dụng không chậm hơn ngày 01/01/2023.

Theo đó, Tổng công ty lựa chọn phương án chưa ghi nhận doanh thu đối với thẻ viễn thông trả trước theo dung lượng thực tế khách hàng sử dụng. Doanh thu thẻ viễn thông trả trước năm 2021 tiếp tục được ghi nhận và hạch toán tại thời điểm bán thẻ.

Về chính sách ghi nhận doanh thu cung cấp gói/chuỗi dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin thu tiền trước

Doanh thu cung cấp gói/chuỗi dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng đã thu tiền và có cam kết với khách hàng về việc cung cấp dịch vụ, Tổng công ty thực hiện ghi nhận doanh thu vào kết quả kinh doanh năm 2021, số tiền 159.504.533.888 VND, thay vì hạch toán là doanh thu chưa thực hiện như các năm trước (xem Thuyết minh V.15).

6. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty nói riêng do:

- Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam, do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.
- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các ảnh hưởng về tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến Tổng công ty. Ban Tổng Giám đốc đã ước tính các yếu tố khách quan do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021.

7. Cấu trúc Tổng công ty

Các đơn vị thành viên trực thuộc hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Văn phòng Tổng công ty	Thành phố Hà Nội
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 1	Thành phố Hà Nội
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 2	Thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 3	Thành phố Đà Nẵng
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 4	Thành phố Việt Trì

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 5	Thành phố Hải Phòng
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 6	Thành phố Vinh
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 7	Thành phố Buôn Ma Thuột
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 8	Thành phố Biên Hòa
Công ty Dịch vụ MobiFone khu vực 9	Thành phố Cần Thơ
Trung tâm Viễn thông Quốc Tế MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Công nghệ thông tin MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Dịch vụ số MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Bắc	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Trung	Thành phố Đà Nẵng
Trung tâm Mạng lưới MobiFone miền Nam	Thành phố Hồ Chí Minh
Trung tâm Quản lý điều hành mạng	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Đo kiểm và Sửa chữa thiết bị viễn thông MobiFone	Thành phố Hà Nội
Ban Quản lý Dự án MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Tư vấn - Thiết kế MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển MobiFone	Thành phố Hà Nội
Trung tâm Tính cước và Thanh khoản MobiFone	Thành phố Hà Nội

Các Công ty con

Công ty con trực tiếp

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone ⁽ⁱ⁾	Tầng 3, tòa nhà TTC, số 19 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ liên quan đến cuộc gọi bao gồm dịch vụ giải đáp, chăm sóc khách hàng qua điện thoại, dịch vụ cho thuê đài trạm phát sóng, dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng trên mạng di động và các hoạt động khác	31,26%	31,26%	31,26%
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Cầu ⁽ⁱ⁾	105, đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Cung cấp các dịch vụ liên quan đến viễn thông, bao gồm dịch vụ truyền thông đa phương tiện, nội dung số, kinh doanh dịch vụ viễn thông, dịch vụ ứng dụng viễn thông, hoạt động viễn thông có dây và các hoạt động khác	69,42%	69,42%	69,42%
Công ty Cổ phần Dịch vụ gia tăng MobiFone	MM18 đường Trường Sơn, phường 15, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh	Cung cấp hoạt động viễn thông không dây và có dây; cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, các dịch vụ liên quan đến máy tính; và một số dịch vụ khác và kinh doanh thiết bị đầu cuối	96,23%	96,23%	96,23%

⁽ⁱ⁾ Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone ít hơn 50% nhưng Tổng công ty thực hiện quyền kiểm soát đối với Công ty con này qua

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

việc có 3 đại diện trong tổng số 5 thành viên Hội đồng Quản trị trong Công ty này kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2018. Do vậy Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone bị Tổng công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty này được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính riêng.

Công ty con gián tiếp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng công ty gián tiếp kiểm soát các công ty con của Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu. Tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích của Tổng công ty trong các Công ty con gián tiếp này như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động chính
Công ty MobiFone Global Singapore Pte Ltd	Singapore	51,00 %	35,40 %	Kinh doanh dịch vụ viễn thông, thẻ cào, dịch vụ thoại
Công ty VNPT Global Hong Kong	Hồng Kông	60,00 %	41,65 %	Kinh doanh dịch vụ viễn thông và dịch vụ IP khác
Công ty MobiFone Global USA	Mỹ	100,00 %	69,42 %	Kinh doanh dịch vụ viễn thông và dịch vụ cung cấp nội dung, cung cấp giải pháp công nghệ cao trong nước và quốc tế
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam	Hà Nội	60,00 % ^(*)	27,77 %	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin, bán buôn thiết bị linh kiện điện tử viễn thông
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ MobiFone Toàn Cầu	Hà Nội	100,00 %	69,42 %	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ thông tin qua điện thoại

^(*)Mặc dù Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu không sở hữu trên 50% vốn góp tại Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp công nghệ Việt Nam nhưng Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu nhận được ủy quyền thay mặt các cổ đông không kiểm soát nắm giữ 20% vốn góp thực hiện toàn bộ các quyền biểu quyết của cổ đông thiểu số theo Giấy ủy quyền có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2019. Theo đó, Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp công nghệ Việt Nam vẫn thuộc sự kiểm soát của Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu, khoản đầu tư vào Công ty này được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu.

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

9. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng công ty có 3.801 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 3.811 nhân viên).

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tổng công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tổng công ty thường xuyên có giao dịch.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tổng Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tổng công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tổng công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tổng công ty đang trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo tỷ lệ trích lập được hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 (“Thông tư 48”).

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường..

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng công ty chủ yếu là chi phí thuê nhà trạm, cửa hàng, văn phòng; phí tần số, phí thuê kênh; công cụ dụng cụ đã xuất dùng và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 30-50 năm. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3-5 năm.

Bản quyền, bằng sáng chế

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3-5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng công ty theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016. Số tiền trích quỹ hàng năm được Hội đồng Thành viên của Tổng công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và được trích lập từ 3% đến 10% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Tổng công ty sẽ phải nộp về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia tối thiểu 20% số quỹ đã trích lập mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70%. Ngoài ra, Tổng công ty cũng sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được nộp về Ngân sách Nhà nước sau khi Tổng công ty trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tổng công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

Khi đánh giá xếp loại doanh nghiệp năm 2021 theo các quy định tại Nghị định 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 và Thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 để phân phối Quỹ khen thưởng, phúc lợi thì Doanh nghiệp được loại trừ yếu tố khách quan ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Theo đó, Tổng công ty đã điều chỉnh loại trừ các ảnh hưởng khách quan do dịch bệnh Covid-19 tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021, số chi phí hợp lý được Tổng công ty xác định để loại trừ là 197 tỷ VND (năm 2020: loại trừ 1.690 tỷ VND). Số liệu loại trừ năm nay đang chờ Ủy ban Quản lý vốn Nhà Nước tại doanh nghiệp phê duyệt.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ dịch vụ viễn thông trả sau

Doanh thu từ dịch vụ trả sau bao gồm cước thuê bao thu hàng tháng, doanh thu cước các dịch vụ cơ bản và dịch vụ giá trị gia tăng. Doanh thu từ cước thuê bao hàng tháng và cước các dịch vụ cơ bản, dịch vụ giá trị gia tăng được ghi nhận khi dịch vụ đã cung cấp tới khách hàng. Doanh thu về cước hòa mạng được ghi nhận khi khách hàng đã hòa mạng và có thể sử dụng được các dịch vụ.

Doanh thu từ kinh doanh thẻ dịch vụ viễn thông di động trả trước

Theo hướng dẫn tại Công văn số 18494/BTC-CĐKT ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính, doanh thu đối với thẻ viễn thông trả trước được ghi nhận dựa trên số tiền thu được khi thẻ viễn thông trả trước được bán cho người mua, không phụ thuộc vào giá trị lưu lượng sử dụng thực tế của khách hàng và Tổng công ty có cam kết với khách hàng về việc cung cấp dịch vụ viễn thông, thời hạn được áp dụng chính sách này đến hết 31/12/2020.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 686/BTC-QLKT ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài chính, doanh thu đối với thẻ viễn thông trả trước được ghi nhận dựa trên cơ sở dung lượng thực tế mà khách hàng đã sử dụng trong năm. Các đơn vị phải thực hiện chuyển đổi từ phương pháp ghi nhận doanh thu tại thời điểm thu tiền bán thẻ trả trước sang phương pháp ghi nhận doanh thu theo dung lượng thực tế sử dụng không chậm hơn ngày 01/01/2023.

Theo đó, năm 2021, Tổng công ty chưa áp dụng chính sách ghi nhận doanh thu đối với thẻ viễn thông trả trước theo dung lượng thực tế khách hàng sử dụng. Tổng công ty tiếp tục ghi nhận doanh thu thẻ viễn thông trả trước năm 2021 tại thời điểm thu tiền bán thẻ, nhất quán với chính sách áp dụng các năm trước.

Doanh thu cung cấp gói/chuỗi dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin thu tiền trước

Từ năm 2020 trở về trước, doanh thu cung cấp gói/chuỗi dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin thu tiền trước được ghi nhận theo thời gian cung cấp dịch vụ trong kỳ.

Năm 2021, Tổng công ty ghi nhận doanh thu này khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng đã thu tiền và có cam kết với khách hàng về việc cung cấp dịch vụ.

Doanh thu từ cước kết nối và chuyển vùng quốc tế

Doanh thu từ cước kết nối và chuyển vùng quốc tế được ghi nhận khi có phát sinh dịch vụ kết nối và chuyển vùng quốc tế dựa vào biên bản đối soát hàng tháng giữa Tổng công ty và các đối tác, hoặc theo dữ liệu cước kết nối ước tính của Tổng công ty trong trường hợp việc đối soát chưa hoàn thành. Doanh thu này được ghi nhận bằng số cước mà Tổng công ty được hưởng từ việc cung cấp dịch vụ kết nối và chuyển vùng quốc tế trong tháng.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Doanh thu từ dịch vụ thanh toán trực tuyến

Doanh thu từ dịch vụ thanh toán trực tuyến được ghi nhận căn cứ vào toàn bộ số tiền thực tế thu được khi khách hàng dùng thẻ trả trước do Tổng công ty phát hành để nạp tiền vào tài khoản thanh toán trực tuyến được mở tại các đơn vị cung cấp dịch vụ này. Phần phí dịch vụ phải trả cho các đối tác cung cấp dịch vụ thanh toán trực tuyến được ghi nhận là giá vốn cung cấp dịch vụ và bán hàng tương ứng. Tổng công ty thực hiện việc ghi nhận doanh thu và giá vốn cho dịch vụ này dựa trên hướng dẫn tại Văn bản số 30912/CT-HTr ban hành bởi Cục thuế thành phố Hà Nội ngày 09 tháng 12 năm 2011.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu là chiết khấu thương mại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm nay.
- Nếu khoản chiết khấu thương mại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Chi phí lương

Chi phí lương được trích và ghi nhận theo hướng dẫn tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Khi đánh giá năng suất lao động và lợi nhuận của MobiFone khi xác định Quỹ tiền lương năm 2021 theo quy định tại Nghị định 51/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và Nghị định 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 thì Doanh nghiệp được loại trừ yếu tố khách quan ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Theo đó, Tổng công ty đã điều chỉnh loại trừ chi phí ủng hộ quỹ vắc xin phòng chống Covid-19, số tiền 196.662.041.674 VND tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021. Số liệu loại trừ này đang chờ Ủy ban Quản lý vốn Nhà Nước tại doanh nghiệp phê duyệt.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	3.394.703.151	3.685.781.404
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	242.506.406.531	123.494.601.241
Tiền đang chuyển	552.502.627	408.972.384
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>)	970.000.000.000	590.000.000.000
Cộng	<u>1.216.453.612.309</u>	<u>717.589.355.029</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	13.435.000.000.000	11.095.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	750.000.000.000	2.045.000.000.000
Cộng	<u>14.185.000.000.000</u>	<u>13.140.000.000.000</u>

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư vào công ty con	<u>198.946.640.000</u>	<u>198.946.640.000</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone ⁽ⁱ⁾	102.000.000.000	102.000.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu ⁽ⁱⁱ⁾	77.746.640.000	77.746.640.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone ⁽ⁱⁱⁱ⁾	19.200.000.000	19.200.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	<u>66.591.963</u>
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	66.591.963
Cộng	<u>198.946.640.000</u>	<u>199.013.231.963</u>

(i) Công ty Cổ phần Dịch vụ Giá trị Gia tăng MobiFone hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311719703 ngày 18 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng công ty đầu tư vào Công ty này 102.000.000.000 VND, tương đương 96,23% vốn điều lệ.

(ii) Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102577251 ngày 26 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Tổng công ty đầu tư vào Công ty này 77.746.640.000 VND, tương đương 69,42% vốn điều lệ.

(iii) Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102636299 ngày 17 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Tổng công ty đầu tư vào Công ty này 19.200.000.000 VND, tương đương 31,26% vốn điều lệ.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Giá trị hợp lý

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng khác	1.200.277.645.282	1.483.460.095.726
Phải thu về dịch vụ trả sau	834.363.930.044	1.175.551.368.873
Phải thu về các dịch vụ viễn thông và CNTT khác	365.913.715.238	307.908.726.853
Phải thu từ khách hàng là các bên liên quan	1.310.566.090	12.021.760.332
(Xem Thuyết minh số VII.1b)		
Cộng	1.201.588.211.372	1.495.481.856.058
Dự phòng phải thu khó đòi	(370.633.242.390)	(647.774.332.350)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	647.774.332.350	585.420.795.251
Trích lập dự phòng bổ sung	87.280.273.694	62.353.537.099
Xử lý xóa nợ trong năm	(364.421.363.654)	-
Số cuối năm	370.633.242.390	647.774.332.350

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	141.785.655.442	158.598.668.900
Công ty Cổ phần Sonha Group	41.220.067.103	8.677.777.680
Công ty Cổ phần Xây dựng và Lắp đặt Viễn thông	20.447.477.976	-
Alcatel Lucent International	14.693.353.866	13.715.265.629
Các khoản trả trước cho nhà cung cấp khác	65.424.756.497	136.205.625.591
Trả trước cho người bán là bên liên quan	219.060.796	7.000
(Xem Thuyết minh số VII.1b)		
Cộng	142.004.716.238	158.598.675.900

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	290.148.712.329	440.355.602.740
Phải thu tiền bảo hiểm nộp thừa	607.927.106	575.538.202
Ký cược, ký quỹ	149.270.350	711.920.350
Phải thu ngắn hạn khác	57.508.342.268	52.220.702.581
Cộng	348.414.252.053	493.863.763.873
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan	45.700.000	103.912
(Xem Thuyết minh số VII.1b)		

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

5b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.374.286.682	2.564.551.432
Trong đó:		
Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan (Xem Thuyết minh số VII.1b)	1.332.690.234	1.332.690.234

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	80.360.463.825	(220.155.617)	64.555.417.437	(512.587.367)
Công cụ, dụng cụ	5.035.723.764	-	1.225.176.600	-
Thành phẩm	6.372.300.000	-	-	-
Hàng hóa	58.939.760.819	(2.488.898.580)	33.759.821.424	(7.770.811.472)
Hàng gửi đi bán	3.411.309.624	-	1.859.765.313	(4.495.562)
Cộng	154.119.558.032	(2.709.054.197)	101.400.180.774	(8.287.894.401)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	8.287.894.401	10.515.172.241
Trích lập dự phòng bổ sung	189.921.549	1.471.266.892
Hoàn nhập dự phòng	(4.458.519.983)	(3.698.544.732)
Sử dụng dự phòng	(1.310.241.770)	-
Số cuối năm	2.709.054.197	8.287.894.401

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê nhà trạm, văn phòng cửa hàng	197.619.368.674	219.637.729.886
Phí tần số, thuê kênh	82.906.197.646	86.522.574.124
Cải tạo nhà trạm, văn phòng, cửa hàng	6.234.173.828	30.345.916.103
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.760.270.441	37.537.147.392
Chi phí sửa chữa TSCĐ	84.756.160	14.117.813.380
Các chi phí khác	18.639.207.501	25.931.894.460
Cộng	307.243.974.250	414.093.075.345

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	40.233.086.281	50.245.627.404
Cải tạo nhà trạm, văn phòng, cửa hàng	125.960.920.615	70.037.648.678
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	179.640.826.653	105.230.122.122
Chi phí thuê nhà trạm, văn phòng, cửa hàng	2.042.203.752	29.992.500
Phí tần số, thuê kênh	2.734.900.000	985.265.981
Chi phí sửa chữa TSCĐ	96.166.135.923	44.970.268.270
Các chi phí khác	267.952.623.324	96.570.643.849
Cộng	714.730.696.548	368.069.568.804

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.773.730.425.577	46.358.512.157.660	4.561.885.532.274	265.939.968.220	56.960.068.083.731
Mua trong năm	148.380.460.460	1.330.830.868.441	630.172.155.789	11.722.590.792	2.121.106.075.482
Đầu tư XD/CB hoàn thành	110.864.476.984	225.468.776.627	54.635.500.532	-	390.968.754.143
Nâng cấp trong năm	3.958.158.254	1.060.717.977.712	204.559.375.662	-	1.269.235.511.628
Điều chỉnh theo quyết định phê duyệt quyết toán	4.951.083.001	120.182.791.284	(2.043.203.305)	133.279.881	123.223.950.861
Phân loại lại	(57.401.536.580)	(1.244.879.429)	58.307.790.587	338.625.422	-
Thanh lý, nhượng bán	(7.023.497.862)	(947.079.928.869)	(39.728.019.581)	(5.043.812.266)	(998.875.258.578)
Số cuối năm	5.977.459.569.834	48.147.387.763.426	5.467.789.131.958	273.090.652.049	59.865.727.117.267
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.320.429.844.519	26.701.763.496.172	1.866.123.612.752	161.358.749.075	31.049.675.702.518
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.583.082.953.874	36.330.105.954.559	3.245.186.014.149	212.213.859.850	43.370.588.782.432
Khấu hao trong năm	503.032.314.131	3.441.991.356.599	569.120.126.723	25.991.637.406	4.540.135.434.859
Thanh lý, nhượng bán	(7.023.497.862)	(947.079.928.869)	(39.728.019.581)	(5.043.812.266)	(998.875.258.578)
Phân loại lại	(751.570.163)	751.570.163	-	-	-
Tăng/Giảm khác	-	3.282.057.411	-	-	3.282.057.411
Số cuối năm	4.078.340.199.980	38.829.051.009.863	3.774.578.121.291	233.161.684.990	46.915.131.016.124
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.190.647.471.703	10.028.406.203.101	1.316.699.518.125	53.726.108.370	13.589.479.301.299
Số cuối năm	1.899.119.369.854	9.318.336.753.563	1.693.211.010.667	39.928.967.059	12.950.596.101.143
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**9. Tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Bản quyền, bằng sáng chế</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	718.963.924.752	635.255.972.308	1.250.313.365.513	2.604.533.262.573
Mua trong năm	-	81.066.586.299	62.829.191.742	143.895.778.041
Nâng cấp trong năm	-	5.227.584.394	5.349.000.000	10.576.584.394
Điều chỉnh theo quyết định phê duyệt quyết toán	-	(2.498.561.358)	(43.233.682)	(2.541.795.040)
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.314.859.952)	(30.968.680.050)	(41.283.540.002)
Số cuối năm	718.963.924.752	708.736.721.691	1.287.479.643.523	2.715.180.289.966
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	342.487.304.122	890.812.143.544	1.233.299.447.666
Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	48.287.457.343	515.899.849.037	1.022.311.099.401	1.586.498.405.781
Khấu hao trong năm	5.304.859.144	53.975.408.211	79.460.099.237	138.740.366.592
Tặng khác	-	-	635.121.306	635.121.306
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.314.859.952)	(30.968.680.050)	(41.283.540.002)
Số cuối năm	53.592.316.487	559.560.397.296	1.071.437.639.894	1.684.590.353.677
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	670.676.467.409	119.356.123.271	228.002.266.112	1.018.034.856.792
Số cuối năm	665.371.608.265	149.176.324.395	216.042.003.629	1.030.589.936.289
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua sắm tài sản cố định	5.021.440.570	155.816.695.473
Xây dựng cơ bản dở dang	23.312.827.215	59.268.824.049
Cộng	28.334.267.785	215.085.519.522

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

11. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả người bán</i>	2.788.692.107.332	4.953.585.544.317
Nokia Solutions and Networks Oy	89.213.986.056	742.643.234.031
Công ty Cổ phần Công nghệ Công nghiệp Bưu chính Viễn thông	18.364.233.625	430.243.217.602
Huawei Technologies Co., Ltd	-	436.689.988.080
Ericsson AB	100.330.783.820	340.059.407.322
Công ty Cổ phần Viễn thông - Tin học Bưu điện	80.506.434.523	167.697.210.795
Công ty Cổ phần Công nghệ truyền thông DTS	74.960.374.922	126.051.322.295
Phải trả đối tượng khác	2.425.316.294.386	2.710.201.164.192
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i> <i>(Xem Thuyết minh số VII.1b)</i>	272.733.218.122	334.654.590.254
Cộng	<u>3.061.425.325.454</u>	<u>5.288.240.134.571</u>

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước	509.788.396.151	144.311.951.359
Các bên liên quan trả tiền trước <i>(Xem Thuyết minh số VII.1b)</i>	1.036.056.415	23.420.085.190
Cộng	<u>510.824.452.566</u>	<u>167.732.036.549</u>

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.884.087.794	74.041.449.033	607.310.402.846	(499.754.814.627)	363.008.292	178.075.957.750
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	139.321.526.154	(139.321.526.154)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	4.497.356.691	(4.497.356.691)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	162.625.291.916	923.986.069.333	(517.656.644.488)	-	568.954.716.761
Thuế thu nhập cá nhân	2.600.241.130	10.893.712.805	70.391.593.161	(74.633.831.069)	4.712.531.627	8.763.765.394
Thuế nhà thầu	-	37.721.813.496	183.378.683.864	(197.308.194.573)	-	23.792.302.787
Các loại thuế khác	17.113.000	207.432.040	5.366.185.788	(5.556.504.828)	-	-
Phải nộp Ngân sách Nhà nước ⁽ⁱ⁾	-	638.171.372.530	2.366.007.942.098	(1.478.437.257.832)	-	1.525.742.056.796
Các khoản phí, lệ phí	-	4.654.447.603	12.472.246.227	(15.743.851.931)	-	1.382.841.899
Cộng	6.501.441.924	928.315.519.423	4.312.732.006.162	(2.932.909.982.193)	5.075.539.919	2.306.711.641.387

⁽ⁱ⁾ Đây là phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ phải nộp Ngân sách Nhà nước theo hướng dẫn tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 13 tháng 10 năm 2015 về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuê nhà trạm, cửa hàng	216.153.821.659	295.493.688.504
Chi phí phải trả các đối tác	287.192.596.542	288.960.571.261
Chi phí thuê kênh, tần số	73.074.418.401	82.187.279.666
Chi phí điện nước	53.101.399.689	33.004.210.322
Chi phí hỗ trợ sản xuất kinh doanh	12.335.481.458	11.756.712.826
Chi phí vật liệu, nhiên liệu	2.198.170.921	5.373.064.907
Chi phí cải tạo nhà trạm	-	527.080.595
Chi phí lãi vay	9.358.618	15.931.175
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ thuê ngoài	-	12.161.423.784
Chi phí dụng cụ	59.364.516	589.773.555
Chi phí thu cước	2.339.164.945	2.477.976.030
Chi phí tuyên truyền, quảng cáo	541.440.000	44.324.100
Các khoản trích trước khác	79.888.295.958	56.893.464.887
Cộng	<u>726.893.512.707</u>	<u>789.485.501.612</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả các bên liên quan</i> <i>(Xem Thuyết minh số VII.1b)</i>	<i>24.899.351.809</i>	<i>32.487.668.968</i>

15. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu nhận trước về gói dịch vụ VT, CNTT	-	94.404.120.457
Doanh thu nhận trước khác	1.005.932.238	1.430.686.791
Cộng	<u>1.005.932.238</u>	<u>95.834.807.248</u>

16. Phải trả khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ Viễn thông công ích, phí thương quyền ⁽ⁱ⁾	53.598.210.961	38.593.200.802
Nhận ký quỹ, ký cược	17.103.422.105	10.545.278.350
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	4.095.787.970	5.366.231.140
Kinh phí công đoàn	2.285.644.261	2.791.825.930
Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ phải nộp về	18.829.546.553	54.521.286.427
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	31.233.119.335	26.348.486.727
Cộng	<u>127.145.731.185</u>	<u>138.166.309.376</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả ngắn hạn khác với các bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số VII.1b)</i>	<i>1.620.192.230</i>	<i>1.386.197.579</i>

⁽ⁱ⁾ Tổng công ty dùng trích quỹ Viễn thông công ích theo Văn bản số 2771/QĐ-BTTTT ngày 31/12/2020 về việc tạm dừng thu đóng góp vào Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam kể từ năm 2020.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Tổng công ty trích Phí thương quyền theo tỷ lệ 0,5% trên doanh thu viễn thông theo quy định tại Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và lệ phí cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông và Thông tư số 03/2018/TT-BTC ngày 12/01/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC.

16b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	76.882.481.086	80.443.797.451
Trong đó:		
<i>Phải trả dài hạn khác với bên liên quan</i>	<i>1.585.000.000</i>	<i>1.305.311.500</i>
<i>(Thuyết minh số VII.1b)</i>		

17. Vay ngắn hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay thấu chi	11.589.870.667	1.800.062.148.100	(1.811.652.018.767)	-
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam</i>	-	<i>1.065.179.799.999</i>	<i>(1.065.179.799.999)</i>	-
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>	7.310.688.204	466.557.697.778	(473.868.385.982)	-
<i>Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt</i>	4.279.182.463	268.324.650.323	(272.603.832.786)	-
Vay ngắn hạn các ngân hàng	-	51.062.961.613	(51.062.961.613)	-
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>	-	<i>51.062.961.613</i>	<i>(51.062.961.613)</i>	-
Cộng	11.589.870.667	1.851.125.109.713	(1.862.714.980.380)	-

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	254.063.454.039	257.799.742.288	(124.392.523.959)	387.470.672.368
Quỹ phúc lợi	66.873.640.633	64.449.935.572	(31.750.090.498)	99.573.485.707
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.952.238.686	887.040.825	(2.035.048.670)	1.804.230.841
Cộng	323.889.333.358	323.136.718.685	(158.177.663.127)	488.848.388.916

19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	<u>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ</u>	<u>Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	1.068.761.447.428	1.247.083.266	1.070.008.530.694
Hình thành TSCĐ trong năm	(26.531.267.678)	26.531.267.678	-
Trích lập trong năm	141.000.000.000	-	141.000.000.000
Giảm trong năm	(74.156.506.632)	-	(74.156.506.632)
Tăng thu nhập khác trong năm (*)	(224.573.673.118)	-	(224.573.673.118)
Khấu hao trong năm	-	(3.917.178.717)	(3.917.178.717)
Số cuối năm	884.500.000.000	23.861.172.227	908.361.172.227

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

(*) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trích lập năm 2015 và 2016 chỉ không hết, số tiền 366.754.164.897 VND, đã được xử lý như sau: Nộp 20% của số không sử dụng hết 70% sau 05 năm về Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, số tiền 73.350.832.980 VND; Nộp thuế TNDN và nộp lãi phát sinh trên số thuế TNDN thu hồi, số tiền 68.829.658.799 VND; Hoàn nhập vào "Thu nhập khác" năm 2021 đối với số dư còn lại, số tiền 224.573.673.118 VND.

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<i>Năm trước</i>				
Số dư đầu năm	15.000.000.000.000	5.906.303.132.371	-	20.906.303.132.371
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	3.774.441.005.607	3.774.441.005.607
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	1.132.332.301.682	(1.132.332.301.682)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(307.749.646.346)	(307.749.646.346)
Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước	-	-	(2.334.359.057.579)	(2.334.359.057.579)
Số dư cuối năm	15.000.000.000.000	7.038.635.434.053	-	22.038.635.434.053
<i>Năm nay</i>				
Số dư đầu năm	15.000.000.000.000	7.038.635.434.053	-	22.038.635.434.053
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	3.841.628.823.981	3.841.628.823.981
Trích Quỹ đầu tư phát triển ⁽ⁱ⁾	-	1.152.488.647.194	(1.152.488.647.194)	-
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(323.136.718.685)	(323.136.718.685)
Lợi nhuận phải nộp về Ngân sách Nhà nước ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	(2.366.003.458.102)	(2.366.003.458.102)
Số dư cuối năm	15.000.000.000.000	8.191.124.081.247	-	23.191.124.081.247

(i) Tổng công ty đã tạm trích Quỹ Đầu tư phát triển và Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 ("Nghị định 91") về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

(ii) Lợi nhuận sau thuế năm 2021 còn lại (sau khi đã tạm trích các quỹ) phải nộp Ngân sách Nhà nước theo Nghị định 91. Số nộp chính thức sẽ được kết chuyển khi có văn bản phê duyệt phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 của chủ sở hữu.

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán riêng

21a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	1.560.639,90	1.895.100,59
Euro (EUR)	28.940,16	23.331,38

21b. Nợ khó đòi đã xử lý

Trong năm, Công ty đã xử lý một số khoản công nợ lâu ngày, không có khả năng thu hồi số tiền 364.438.382.018 VND.

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	30.017.019.114.200	29.954.908.082.729
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	4.094.866.718.982	4.123.773.141.228
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.922.152.395.218	25.831.134.941.501
Các khoản giảm trừ doanh thu	(95.454.545)	(257.500.000)
Chiết khấu thương mại	(95.454.545)	(257.500.000)
Doanh thu thuần	30.016.923.659.655	29.954.650.582.729
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số VII.1b)	161.862.051.669	194.620.275.580

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	4.082.400.293.104	4.116.849.483.711
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	16.981.144.302.954	17.216.360.532.707
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.268.598.434)	(2.227.277.840)
Cộng	21.059.275.997.624	21.330.982.738.578

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	608.078.007.580	903.024.025.771
Cổ tức, lợi nhuận được chia	25.828.407.000	25.828.407.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	36.664.372.609	56.526.039.678
Lãi thanh lý khoản đầu tư dài hạn khác	287.717.337	-
Cộng	670.858.504.526	985.378.472.449

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	927.903.085	21.062.136.798
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.114.796.148	37.448.183.856
Chiết khấu thanh toán, lãi hàng bán trả chậm	4.009.333.196	1.295.640.881
Chi phí khác	853.526	-
Cộng	16.052.885.955	59.805.961.535

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	802.840.990.961	715.048.334.130
Chi phí vật liệu, bao bì	192.492.923.354	208.088.801.824
Chi phí khấu hao tài sản cố định	155.046.378.486	121.942.798.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.335.059.140.686	2.335.744.440.614
Các chi phí bán hàng khác	683.612.136.115	862.579.410.325
Cộng	<u>4.169.051.569.602</u>	<u>4.243.403.785.841</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trích lập/(hoàn nhập) Quỹ Viễn thông công ích	-	(18.330.029.892)
Trích Quỹ Phát triển Khoa học và công nghệ	141.000.000.000	136.000.000.000
Chi phí nhân viên	149.056.921.466	131.237.194.104
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	87.280.273.694	64.141.483.674
Phí thương quyền	117.832.843.559	78.800.903.585
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.963.792.065	35.593.376.161
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.711.748.587	130.649.667.507
Chi phí hỗ trợ phòng chống dịch Covid-19	196.662.041.674	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	39.646.226.710	50.075.850.832
Cộng	<u>918.153.847.755</u>	<u>608.168.445.971</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoàn nhập Quỹ Phát triển Khoa học và công nghệ (*)	224.573.673.118	-
Thu cước đã xóa nợ	508.608.319	663.539.999
Xử lý công nợ lâu ngày	-	3.315.542.555
Thu nhập do giảm chi phí phân chia hợp đồng	-	8.155.266.408
Thu nhập khác	14.961.384.394	20.306.116.186
Cộng	<u>240.043.665.831</u>	<u>32.440.465.148</u>

(*) Xem Thuyết minh V.19

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý tài sản cố định	937.506.296	4.600.562.760
Chi phí khác	13.802.766.707	6.061.725.718
Cộng	<u>14.740.273.003</u>	<u>10.662.288.478</u>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	519.442.134.146	442.550.243.240
Chi phí nhân công	1.420.714.557.573	1.375.897.072.127
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.678.875.801.451	4.728.753.034.805
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.758.456.996.356	13.920.563.920.466
Chi phí khác	1.661.536.033.051	1.575.098.996.329
Cộng	<u>22.039.025.522.577</u>	<u>22.042.863.266.967</u>

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

10. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Tổng công ty là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tổng công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.750.551.256.073	4.719.446.299.923
Các khoản điều chỉnh tăng:		
<i>Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	44.462.984.503	31.408.578.659
Các khoản điều chỉnh giảm:		
<i>Cổ tức được chia</i>	(25.828.407.000)	(25.828.407.000)
<i>Hoàn nhập Quỹ phát triển khoa học công nghệ</i>	(224.573.673.118)	-
Thu nhập chịu thuế	4.544.612.160.458	4.725.026.471.582
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN	908.922.432.092	945.005.294.316

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Quỹ lương, thù lao của viên chức quản lý trong năm là 7.096.326.598 VND (năm trước sau khi được phê duyệt là 5.943.078.175 VND)

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tổng công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ gia tăng MobiFone	Công ty con
Công ty MobiFone Global Singapore Pte Ltd	Công ty con gián tiếp
Công ty VNPT Global Hong Kong	Công ty con gián tiếp
Công ty MobiFone Global USA	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ MobiFone Toàn Cầu	Công ty con gián tiếp

Các giao dịch trọng yếu phát sinh giữa Tổng công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.720.078.855	28.196.715.708
Doanh thu bán hàng	-	-
Thu nhập khác	65.000.771	67.323.784
Nhận cổ tức bằng tiền	5.520.000.000	5.520.000.000
Chi phí sử dụng dịch vụ	395.483.469.387	383.377.757.167
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn Cầu		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.623.102.833	59.410.552.375
Thu nhập khác	295.236.037	10.909.092
Nhận cổ tức bằng tiền	15.208.407.000	15.208.407.000
Chi phí sử dụng dịch vụ	362.445.317.620	392.666.035.448
Nhập mua thiết bị, hàng hóa	32.948.166.173	9.346.063.038
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	124.818.254.707	100.384.685.679
Doanh thu bán hàng hóa	31.196.672.730	6.628.321.818
Doanh thu khác	143.705.736	1.363.636
Nhận cổ tức bằng tiền	5.100.000.000	5.100.000.000
Chi phí sử dụng dịch vụ	474.903.566.709	95.901.145.146
Nhập mua thiết bị, hàng hóa	16.068.407.916	14.335.135.298
Công ty MobiFone Global Singapore Pte Ltd		
Chi phí sử dụng dịch vụ	330.516.968	373.104.241
Công ty TNHH Một thành viên Phát triển Dịch vụ Viễn thông Toàn cầu		
Chi phí sử dụng dịch vụ	-	133.275.035
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam		
Chi phí sử dụng dịch vụ	20.899.022.249	130.585.944.752
Nhập mua thiết bị, hàng hóa	15.201.131.000	88.500.000
Thu nhập khác	-	6.363.637

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu khách hàng (Thuyết minh số V.3)</i>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone	30.361.025	3.536.589.400
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu	501.841.565	8.348.272.432
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone	778.363.500	136.898.500
Cộng	<u>1.310.566.090</u>	<u>12.021.760.332</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số V.5a)</i>		
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu	45.700.000	103.912
Cộng	<u>45.700.000</u>	<u>103.912</u>
<i>Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số V.5b)</i>		
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu	1.332.690.234	1.332.690.234
Cộng	<u>1.332.690.234</u>	<u>1.332.690.234</u>
<i>Trả trước cho người bán (Thuyết minh số V.4)</i>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone	-	7.000
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam	219.060.796	-
Cộng	<u>219.060.796</u>	<u>7.000</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số V.11)</i>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone	107.508.240.700	109.718.135.686
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu	87.831.400.802	97.533.432.183
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone	71.221.960.385	38.536.929.378
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam	6.171.616.235	88.866.093.007
Cộng	<u>272.733.218.122</u>	<u>334.654.590.254</u>
<i>Người mua trả tiền trước (Thuyết minh số V.12)</i>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone	998.394.500	23.349.423.141
Công ty MobiFone Global Singapore Pte Ltd	37.661.915	70.662.049
Cộng	<u>1.036.056.415</u>	<u>23.420.085.190</u>
<i>Chi phí phải trả (Thuyết minh số V.14)</i>		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone	6.919.298.923	10.883.511.947
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu	10.438.774.973	17.366.062.943

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone	7.541.277.913	3.257.725.500
Công ty Cổ phần Viễn thông và Giải pháp Công nghệ Việt Nam	-	980.368.578
Cộng	<u>24.899.351.809</u>	<u>32.487.668.968</u>
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số V.15a)		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone	1.420.192.230	1.286.197.579
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu	-	100.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone	200.000.000	-
Cộng	<u>1.620.192.230</u>	<u>1.386.197.579</u>
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số V.15b)		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật MobiFone	915.000.000	760.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ MobiFone Toàn cầu	20.000.000	20.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng MobiFone	650.000.000	525.311.500
Cộng	<u>1.585.000.000</u>	<u>1.305.311.500</u>

2. Các cam kết

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng công ty có các khoản cam kết liên quan đến các hợp đồng thuê hoạt động bao gồm thuê đất và thuê địa điểm đặt các trạm phát sóng và các hợp đồng thuê khác.

Cam kết mua tài sản, đầu tư xây dựng cơ bản

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng công ty cũng có cam kết bằng hợp đồng về việc mua tài sản, thiết bị để phục vụ cho việc xây dựng các trạm thu phát sóng và mua sắm các thiết bị viễn thông.

3. Số liệu so sánh

Tổng công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu theo kết luận của Công văn số 103/KTNN-TH ngày 21/06/2021 của Kiểm toán nhà nước về gửi báo cáo kiểm toán.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu theo kết luận của Báo cáo Kiểm toán Nhà nước năm 2020 đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính riêng như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán riêng				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	1.494.898.812.512	583.043.546	1.495.481.856.058
Phải thu ngắn hạn khác	136	485.288.185.465	8.575.578.408	493.863.763.873
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(649.545.522.497)	1.771.190.147	(647.774.332.350)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(8.567.739.499)	279.845.098	(8.287.894.401)
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	415.579.171.166	(1.486.095.821)	414.093.075.345
Thuế giá trị gia tăng được	152	408.365.815.013	(383.982.112)	407.981.832.901

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
khấu trừ				
Tài sản cố định hữu hình	221	13.587.601.865.195	1.877.436.104	13.589.479.301.299
Tài sản cố định vô hình	227	1.011.647.999.859	6.386.856.933	1.018.034.856.792
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	202.280.595.230	12.804.924.292	215.085.519.522
Chi phí trả trước dài hạn	261	343.709.927.803	24.359.641.001	368.069.568.804
Tổng Tài sản	270	31.616.926.547.269	54.768.437.596	31.671.694.984.865
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.296.430.675.974	(8.190.541.403)	5.288.240.134.571
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	863.248.533.766	65.066.985.657	928.315.519.423
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	797.549.153.867	(8.063.652.255)	789.485.501.612
Phải trả ngắn hạn khác	319	83.692.022.949	54.474.286.427	138.166.309.376
Phải trả dài hạn khác	337	83.168.566.856	(2.724.769.405)	80.443.797.451
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	1.124.902.700.970	(54.894.170.276)	1.070.008.530.694
Quỹ đầu tư phát triển	418	7.029.535.135.202	9.100.298.851	7.038.635.434.053
Tổng Nguồn vốn	440	31.616.926.547.269	54.768.437.596	31.671.694.984.865
Doanh thu bán hàng và CCDV	1	29.815.777.648.178	139.130.434.551	29.954.908.082.729
Giá vốn hàng bán	11	21.346.848.881.698	(15.866.143.120)	21.330.982.738.578
Chi phí bán hàng	25	4.112.163.945.302	131.239.840.539	4.243.403.785.841
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	607.987.145.543	181.300.428	608.168.445.971
Thu nhập khác	31	11.519.285.143	20.921.180.005	32.440.465.148
Chi phí khác	32	10.373.736.827	288.551.651	10.662.288.478
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	4.675.238.234.865	44.208.065.058	4.719.446.299.923
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	875.772.824.305	13.873.735.555	889.646.559.860
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	3.744.106.676.104	30.334.329.503	3.774.441.005.607
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng				
Lợi nhuận trước thuế	01	4.675.238.234.865	44.208.065.058	4.719.446.299.923
Khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	02	4.733.801.422.322	(11.453.876.077)	4.722.347.546.245
Các khoản dự phòng	03	62.177.294.504	(2.051.035.245)	60.126.259.259
Các khoản điều chỉnh khác	07	136.000.000.000	-	136.000.000.000
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.896.466.827)	(8.774.639.842)	(11.671.106.669)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	141.840.540.488	945.031.286	142.785.571.774
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(281.475.854.911)	(22.873.545.180)	(304.349.400.091)

TỔNG CÔNG TY VIỄN THÔNG MOBIFONE

Địa chỉ: Số 01 Phạm Văn Bạch, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Ngọc Vân

Kế toán trưởng



Phan Tuấn Anh

Tổng Giám đốc



Tô Mạnh Cường

